

Số: 2043/BC-STC

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020

Thực hiện Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 2219/UBND-TH ngày 12/6/2017 về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, 6 tháng đầu năm 2020:

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn là 1.756.867 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt 50,2% (1.756.867 triệu đồng/3.500.000 triệu đồng), trong đó:

- Thu nội địa: 1.210.246 triệu đồng, đạt 44,82 % dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.210.246 triệu đồng/2.700.000 triệu đồng).

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 546.621 triệu đồng, đạt 68,33% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (546.621 triệu đồng/800.000 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương, 6 tháng đầu năm 2020:

Chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020: 1.571.919 triệu đồng, đạt 36,96% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.571.919 triệu đồng/4.252.541 triệu đồng), trong đó: chi đầu tư thực hiện 141.665 triệu đồng đạt 17,09% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; chi thường xuyên thực hiện 1.430.216 triệu đồng, đạt 43,15 % dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.430.216 triệu đồng/3.314.813 triệu đồng);

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 413.844 triệu đồng đạt 18,45% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (413.844 triệu đồng/2.242.927 triệu đồng).

(Chi tiết theo các biểu số 59, 60, 61/CK-NSNN đính kèm)

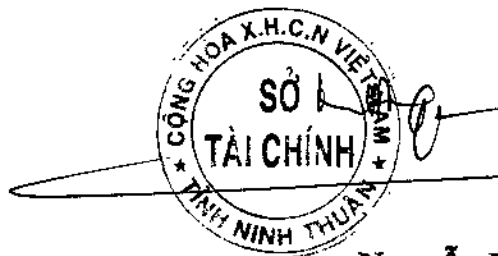
Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020./. *hn*

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

-UBND tỉnh;

-Lưu VT, QLNS, CNMT.



Nguyễn Văn Trường



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.500.000	1.756.867	50,20%	70,27%
I	Thu cân đối NSNN	3.500.000	1.756.867	50,20%	70,27%
1	Thu nội địa	2.700.000	1.210.246	44,82%	81,23%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	800.000	546.621	68,33%	54,14%
4	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	6.495.468	1.985.763	30,57%	83,89%
I	Chi cân đối NSDP	4.252.541	1.571.919	36,96%	88,39%
1	Chi đầu tư phát triển	828.937	141.665	17,09%	56,70%
2	Chi thường xuyên	3.314.813	1.430.216	43,15%	93,63%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	600	38	6,33%	102,70%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,00%	0,00%
5	Dự phòng ngân sách	82.191	0		
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	25.000	0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.242.927	413.844	18,45%	70,29%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	206.200		0,00%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	37.000	20.000	54,05%	40,82%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.500.000	1.756.867	50,20%	70,27%
I	Thu nội địa	2.700.000	1.210.246	44,82%	81,23%
1	Thu từ khu vực DNNN	920.000	234.773	25,52%	50,50%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	200.000	118.431	59,22%	51,40%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	454.000	323.879	71,34%	141,54%
4	Thuế thu nhập cá nhân	160.000	82.062	51,29%	101,97%
5	Thuế bảo vệ môi trường	370.000	182.781	49,40%	97,75%
6	Lệ phí trước bạ	139.000	45.900	33,02%	76,97%
7	Các loại phí, lệ phí	58.000	27.800	47,93%	90,54%
8	Các khoản thu về nhà, đất	229.000	113.487	49,56%	96,09%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	1.004	50,20%	74,48%
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000	98.557	49,28%	137,92%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	13.627	50,47%	56,95%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	299		60,04%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	33.000	6.493	19,68%	25,01%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	0	7.372		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	75.000	41.065	54,75%	84,24%
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	4.000	985	24,63%	39,24%

13	Thu khác ngân sách	58.000	25.218	43,48%	75,14%
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	800.000	546.621	68,33%	54,14%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		540.436		54,42%
2	Thuế xuất khẩu		0		
3	Thuế nhập khẩu		6.178		37,27%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		0		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		1		144,05%
6	Thu khác		6		40,00%
IV	Thu viện trợ	0	0		0,00%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.396.290	1.050.921	43,86%	79,91%
1	Từ các khoản thu phân chia	1.810.040	814.004	44,97%	79,72%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	586.250	236.917	40,41%	80,56%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	6.495.468	1.985.763	30,57%	83,89%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	4.252.541	1.571.919	36,96%	88,39%
I	Chi đầu tư phát triển	828.937	141.665	17,09%	56,70%
1	Chi đầu tư cho các dự án	828.937	141.665	17,09%	56,70%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	3.314.813	1.430.216	43,15%	93,63%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.422.658	570.336	40,09%	97,11%
2	Chi khoa học và công nghệ	21.904	13.308	60,76%	114,82%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	328.974	105.863	32,18%	59,84%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	34.072	12.670	37,18%	91,31%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.284	7.796	34,99%	118,53%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	15.019	4.977	33,14%	85,59%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	63.050	40.301	63,92%	92,10%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	354.691	113.959	32,13%	58,07%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	769.585	329.069	42,76%	98,93%
10	Chi bảo đảm xã hội	174.236	160.980	92,39%	199,17%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	600	38	6,33%	102,70%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,00%	0,00%
V	Dự phòng ngân sách	82.191		0,00%	

VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	25.000		0,00%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.242.927	413.844	18,45%	70,29%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	242.177	102.903	42,49%	188,16%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.512.006	121.394	8,03%	48,74%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	488.744	189.547	38,78%	66,51%